TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LỘC** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2024/HS-ST
Ngày 26-12-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LỘC, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Văn Nghiệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Mạnh Sằn.

Bà Trần Thị Thu Trang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Phạm Hương Thuỷ - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 77/2024/TLST-HS ngày 27 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2024/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 12 năm 2024, Quyết định hoãn phiên toà số 88/2024/HSST-QĐ ngày 19 tháng 12 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Lăng Văn P (tên gọi khác: Không), sinh ngày 27 tháng 02 năm 1995 tại huyện V, tỉnh Lạng Sơn; nơi cư trú: Thôn P, xã H, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lăng Văn S (đã chết) và bà Hứa Thị D; vợ: Chu Thị S1 (đã ly hôn); con: Có 01 con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị xử lý hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị tạm giữ từ ngày 30-7-2024, tạm giam từ ngày 05-8-2024 đến nay; có mặt.

2. Lăng Văn B (tên gọi khác: Không), sinh ngày 05 tháng 09 năm 1989 tại huyện V, tỉnh Lạng Sơn; nơi cư trú: Thôn P, xã H, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lăng Văn H (đã chết vào ngày 27-11-2024) và bà Hoàng Thị M (đã chết); vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị xử lý hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị tạm giữ từ ngày 30-7-2024, tạm giam từ ngày 05-8-2024 đến nay; có mặt.

3. Triệu Văn Đ (tên gọi khác: Không), sinh ngày 16 tháng 9 năm 1985 tại huyện V, tỉnh Lạng Sơn; nơi cư trú: Thôn Q, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lý Ký V (đã chết) và bà Triệu Thị T; vợ: Hoàng Thị T1; con: Có 02 con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị xử lý hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị tạm giữ từ ngày 30-7-2024, tạm giam từ ngày 05-8-2024 đến nay; có mặt.

4. Nông Văn T2 (tên gọi khác: Không) sinh ngày 16 tháng 12 năm 1990 tại huyện T, tỉnh Cao Bằng; nơi cư trú: Tổ E, khu N, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nông Văn S2 và bà Hà Thị L; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Tại Bản án số 85/2012/HSST ngày 22-10-2012 của Toà án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 07 (bẩy) năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma tuý" (đã được xoá); bị tạm giữ từ ngày 30-7-2024, tạm giam từ ngày 05-8-2024 đến nay; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Triệu Văn Đ:* Bà Lương Thị H1 - Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh L; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 29-7-2024, Nông Văn T2, Triệu Văn Đ, Lăng Văn P và Lăng Văn B gặp một người đàn ông tên Q (không biết thông tin cụ thể). Q đặt vấn đề thuê vận chuyển pháo từ Trung Quốc về Việt Nam. Nông Văn T2, Triệu Văn Đ, Lăng Văn P và Lăng Văn B đồng ý. Q hẹn Nông Văn T2, Triệu Văn Đ, Lăng Văn P và Lăng Văn B vào 19 giờ tối ngày 29-7-2024 đến phòng trọ của Q tại khu N, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn để cùng nhau đi vận chuyển pháo. Sau khi xong việc, Q sẽ thanh toán tiền công vận chuyển. Khoảng 21 giờ ngày 29-7-2024, Q dẫn đường cùng với Nông Văn T2, Triệu Văn Đ, Lăng Văn P và Lăng Văn B đi bộ theo đường mòn mốc 1110 thuộc khu N, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn vượt biên sang Trung Quốc. Khi vào lãnh thổ Trung Quốc, đi bộ khoảng 30 phút thì đến một cái lán. Cả nhóm đi vào trong lán thì không thấy ai, chỉ thấy pháo. Q, Nông Văn T2, Triệu Văn Đ, Lăng Văn P và Lăng Văn B cùng nhau cho pháo vào bao rồi chia nhau vận chuyển pháo về Việt Nam. Đến khoảng 01 giờ 45 phút, ngày 30-7-2024, cả nhóm vận chuyển pháo qua hàng rào biên giới từ Trung Quốc về Việt Nam theo mốc 1110 thuộc khu N, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn thì bị lực lượng chức năng phát hiện, bắt quả tang. Nông Văn T2, Triệu Văn Đ, Lăng Văn P bị bắt cùng tang vật. Q và Lăng Văn B bỏ lại 02 (hai) bao pháo rồi chạy trốn. Đến 08 giờ 00 phút, ngày 30-7-2024, Lăng Văn B nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên đã đến Đồn Biên phòng Cửa khẩu Quốc tế H2 đầu thú.

Vật chứng thu giữ:

Thu giữ của bị cáo Lăng Văn P: 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Masster, màu đen. 01 (một) bao tải dứa màu xanh chứa: 06 (sáu) túi nilon màu đen, bên trong có 24 (hai mươi bốn) giàn pháo hoa loại 36 (ba mươi sáu) lỗ/giàn.

Thu giữ của bị cáo Lăng Văn B: 01 (một) bao tải dứa màu xanh chứa: 07 (bảy) túi nilon màu đen bên trong có 24 (hai mươi bốn) giàn pháo hoa loại 36 (ba mươi sáu) lỗ.

Thu giữ bị cáo Triệu Văn Đ: 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO, màu đen. 01 (một) bao tải dứa màu xanh chứa: 10 (mười) túi nilon màu đen, trong đó 09 (chín) túi bên trong có 30 (ba mươi) bánh pháo nổ có đường kính 25cm và 01 (một) túi bên trong có 08 (tám) túi nilon màu đỏ có 100 (một trăm) quả pháo hình lựu đạn.

Thu giữ của bị cáo Nông Văn T2: 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Xiaomi, màu hồng. 01 (một) bao tải dứa màu xanh chứa: 05 (năm) túi nilon màu đen trong đó 02 (hai) túi bên trong có 02 (hai) giàn pháo hoa loại 100 (một trăm) lỗ/giàn. 03 (ba) túi bên trong có 10 (mười) bánh pháo có đường kính 25cm.

Thu giữ của đối tượng bỏ trốn: 01 (một) bao tải dứa màu xanh chứa: 07 (bảy) túi nilon màu đen trong đó: 01 túi có 02 (hai) giàn pháo hoa loại 36 (ba mươi sáu) lỗ; 01 túi có 02 (hai) bánh pháo nổ có đường kính khoảng 40cm; 03 (ba) túi mỗi túi có 08 (tám) túi nilon màu đỏ bên trong có 100 (một trăm) quả pháo hình lựu đạn; 01 túi có 20 (hai mươi) quả pháo hình bóng đèn; 01 túi có 05 (năm) quả pháo hình bóng đèn loại to, đường kính 09cm.

Tại Biên bản xác định trọng lượng pháo lập ngày 30-7-2024, xác định tổng số pháo thu giữ có tổng khối lượng là 153kg (một trăm năm mươi ba kilôgam). Trong đó, số pháo thu giữ của bị cáo Nông Văn T2 có khối lượng 20kg, số pháo thu giữ của bị cáo Triệu Văn Đ có khối lượng 38kg, số pháo thu giữ của bị cáo Lăng Văn P có khối lượng 35kg, số pháo thu giữ của bị cáo Lăng Văn B có khối lượng 35kg, số pháo thu giữ của người tên Q có khối lượng 25kg.

Tại Kết luận giám định số 854/KL-KTHS ngày 05-8-2024 của Phòng kĩ thuật hình sự Công an tỉnh L kết luận: Trong các mẫu vật gửi giám định đều có chứa thuốc pháo, khi đốt đều gây ra tiếng nổ.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra chưa làm rõ được lý lịch người tên Q, đã tiến hành tiêu huỷ toàn bộ số pháo còn lại sau giám định và toàn bộ các bao tải dứa màu xanh, các vỏ bao gói theo quy định.

Tại bản Cáo trạng số 77/CT-VKSCL ngày 25-11-2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố các bị cáo Lăng Văn P, Lăng Văn B, Triệu Văn Đ và Nông Văn T2 về tội "Vận chuyển hàng cấm" theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 191 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên tham gia phiên toà giữ nguyên nội dung Bản cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào điểm c khoản

3 Điều 191; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50 và Điều 38 của Bộ luật Hình năm 2015 đối với các bị cáo. Áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Lăng Văn B. Tuyên bố các bị cáo Lăng Văn P, Lăng Văn B, Triệu Văn Đ và Nông Văn T2 phạm tội "Vận chuyển hàng cấm". Xử phạt bị cáo Lăng Văn P từ 05 (năm) năm đến 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù. Xử phạt bị cáo Lăng Văn B từ 05 (năm) năm đến 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù. Xử phạt bị cáo Triệu Văn Đ 05 (năm) năm đến 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù. Xử phạt bị cáo Nông Văn T2 từ 05 (năm) năm đến 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo, do các bị cáo không có tài sản.

Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, đề nghị: Trả lại cho bị cáo Lăng Văn P 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Masster, màu đen. Trả lại cho bị cáo Triệu Văn Đ 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO, màu đen. Trả lại cho bị cáo Nông Văn T2: 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Xiaomi, màu hồng. Do các điện thoại đã thu giữ của các bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo. Ngoài ra, các vật chứng đã được xử lý trong giai đoạn điều tra là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về án phí: Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự đối với các bị cáo. Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, nộp, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với các bị cáo Lăng Văn P, Lăng Văn B và Triệu Văn Đ. Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, nộp, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với bị cáo Nông Văn T2.

Bị cáo Nông Văn T2 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định. Các bị cáo Lăng Văn P, Lăng Văn B và Triệu Văn Đ được xem xét miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Người bào chữa cho bị cáo Triệu Văn Đ không có ý kiến tranh luận đối với đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên toà về tội danh, tình tiết tăng nặng, vai trò, nhân thân và hình phạt bổ sung đối với bị cáo Triệu Văn Đ. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 cho bị cáo Triệu Văn Đ.

Các bị cáo thừa nhận Bản cáo trạng truy tố các bị cáo về tội "Vận chuyển hàng cấm" là đúng tội danh, đúng với hành vi bị cáo đã thực hiện, không oan. Lời nói sau cùng, các bị cáo thể hiện ăn năn, hối hận về việc làm của bản thân, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã

được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và người tham gia tố tụng không có khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, Biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Do đó, có đủ cơ sở kết luận, ngày 30-7-2024, các bị cáo là người thực hiện hành vi vận chuyển hàng cấm là 153 kilôgam pháo nổ từ Trung Quốc qua mốc 1110 thuộc khu N, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn về Việt Nam. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Vận chuyển hàng cấm" theo quy định của Điều 191 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Vì vậy, có đủ căn cứ kết án các bị cáo Lăng Văn P, Lăng Văn B, Triệu Văn Đ và Nông Văn T2 phạm tội "Vận chuyển hàng cấm" theo quy định của điểm c khoản 3 Điều 191 Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý một số hàng hóa của Nhà nước, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự và an toàn xã hội tại địa phương. Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo có năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Các bị cáo có đủ năng lực nhận thức hành vi vận chuyển hàng cấm (pháo nổ) là vi phạm pháp luật. Nhưng các bị cáo vẫn bất chấp, cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên toà, các bị cáo đã thành khẩn khai báo. Do đó, các bị cáo đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo Lăng Văn P là người dân tộc thiểu số cư trú ở nơi có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Bị cáo Lăng Văn B thuộc hộ nghèo và ra đầu thú. Bị cáo Triệu Văn Đ thuộc hộ cận nghèo và 02 (hai) con của bị cáo đều bị khuyết tật mức độ nặng. Do đó, các bị cáo Lăng Văn P, Lăng Văn B và Triệu Văn Đ được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[6] Về nhân thân: Các bị cáo Lăng Văn P, Lăng Văn B và Triệu Văn Đ đều chưa bị xử lý hình sự, chưa bị xử lý hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật nên đều được coi là có nhân thân tốt. Bị cáo Nông Văn T2 đã bị xử lý hình sự, đã được xoá án tích.

[7] Về tính chất của đồng phạm, tính chất và mức độ tham gia phạm tội của từng đồng phạm: Trong vụ án này, các bị cáo đều là người vận chuyển thuê pháo cho người tên Q nên xác định các bị cáo có vai trò tương đương nhau. Bị

cáo Nông Văn T2 là người trực tiếp vận chuyển 20kg pháo là số lượng pháo thấp nhất so với số lượng pháo các bị cáo khác đã vận chuyển. Tuy nhiên, bị cáo Nông Văn T2 đã bị kết án 01 (một) lần. Các bị cáo khác vận chuyển số lượng pháo lớn hơn nhưng có nhân thân tốt và đều có thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định của khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Do đó, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương đương nhau.

[8] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng tình hình tội phạm vận chuyển hàng cấm là pháo nổ đang diễn ra khá phổ biến nhất là dịp cận Tết Nguyên Đ1, ngày càng phức tạp mặc dù đã được tuyên truyền từ lâu, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình chính trị của địa phương. Do đó, việc áp dụng hình phạt tù và buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù tại cơ sở giam giữ mới đảm bảo tính nghiêm minh, răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

[9] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều không có tài sản. Do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[10] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Cơ quan điều tra đã tiêu hủy toàn bộ số pháo còn lại sau giám định và toàn bộ vỏ bao gói là đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không cần phải xem xét, giải quyết. Đối với những chiếc điện thoại đã thu giữ của các bị cáo Lăng Văn P, Triệu Văn Đ và Nông Văn T2 do đều không liên quan đến hành phi phạm tội của các bị cáo nên trả lại cho các bị cáo.

[11] Về án phí: Bị cáo Nông Văn T2 bị kết án và không thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định. Các bị cáo Lăng Văn P, Lăng Văn B và Triệu Văn Đ bị kết án. Tuy nhiên, bị cáo Lăng Văn P là người dân tộc thiểu số cư trú ở nơi có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo Lăng Văn B thuộc hộ nghèo, bị cáo Triệu Văn Đ thuộc hộ cận nghèo nên đều thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo đều có ý kiến xin được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm. Do đó, các bị cáo Lăng Văn P, Lăng Văn B và Triệu Văn Đ được xem xét miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[12] Đối với người tên Q: Do không biết rõ nhân thân, lai lịch và do Cơ quan điều tra chưa điều tra, làm rõ được. Do đó, Hội đồng xét xử không đủ cơ sở xem xét, xử lý trong vụ án này.

[13] Những ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa mà phù hợp với quy định của pháp luật thì được Hội đồng xét xử chấp nhận. Tuy nhiên, mức hình phạt đề nghị áp dụng đối với các bị cáo Lăng Văn P, Lăng Văn B và Triệu Văn Đ là chưa phù hợp với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra. Do đó, không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[14] Ý kiến của các bị cáo, người bào chữa cho bị cáo Triệu Văn Đ được Hội đồng xét xử xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật.

[15] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 191; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Lăng Văn P, Lăng Văn B và Triệu Văn Đ.

Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 191; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối bị cáo Nông Văn T2.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, nộp, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với các bị cáo Lăng Văn P, Lăng Văn B và Triệu Văn Đ.

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, nộp, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với bị cáo Nông Văn T2.

Căn cứ các Điều 331, 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lăng Văn P, Lăng Văn B, Triệu Văn Đ và Nông Văn T2 phạm tội "Vận chuyển hàng cấm".

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Lăng Văn P 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 30 tháng 7 năm 2024.

2.2. Xử phạt bị cáo Lăng Văn B 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 30 tháng 7 năm 2024.

2.3. Xử phạt bị cáo Triệu Văn Đ 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 30 tháng 7 năm 2024.

2.4. Xử phạt bị cáo Nông Văn T2 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 30 tháng 7 năm 2024.

3. Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo Lăng Văn P, Lăng Văn B, Triệu Văn Đ và Nông Văn T2.

4. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

4.1. Trả lại cho bị cáo Lăng Văn P 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Masster, màu đen, có số IMEI1: 351402852658874, IMEI2: 851402852658882, điện thoại cũ, đã qua sử dụng, lắp 02 S.

4.2. Trả lại cho bị cáo Triệu Văn Đ 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO, màu đen, có số IMEI 1: 863017069737757; IMEI 2: 863017069737740, điện thoại cũ, đã qua sử dụng, lắp 01 Sim V.

4.3. Trả lại cho bị cáo Nông Văn T2 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Xiaomi, màu hồng, có số IMEI1: 867127040498415, IMEI2: 867127040498423, điện thoại cũ, đã qua sử dụng, lắp 02 Sim Viettel, mặt kính bị vỡ.

(Vật chứng trên được ghi chi tiết tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 26 tháng 11 năm 2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Lạng Sơn và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn).

5. Về án phí:

5.1. Các bị cáo Lăng Văn P, Lăng Văn B và Triệu Văn Đ được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5.2. Bị cáo Nông Văn T2 phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm, nộp vào ngân sách Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn.
- Sở Tư pháp, tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Cao Lộc;
- Công an huyện Cao Lộc;
- Chi cục THADS huyện Cao Lộc;
- Chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hứa Văn Nghiệp